

Aspilets® EC

Acid Acetylsalicylic 80 mg
Viên bao phim tan trong ruột
CHỐNG KẾT TẬP TIỂU CẦU

THÀNH PHẦN

Mỗi viên chứa:

Acid Acetylsalicylic80 mg

Tá dược: Microcrystalline Cellulose, Tinh bột 1500, Stearic Acid, Acryl-eze, Opadry II Yellow.

DƯỢC LÝ

Dược lực học

Acid acetylsalicylic có tác dụng giảm đau, hạ nhiệt, chống viêm và chống kết tập tiểu cầu. Acid acetylsalicylic được hấp thu nhanh với mức độ cao. Ở người lớn, nồng độ điều trị của acid salicylic 30-60 mg/lít huyết tương cho tác dụng giảm đau và hạ sốt, và 40-100 mg/lít huyết tương cho tác dụng chống viêm.

Tác động kháng đông của acid acetylsalicylic là do những tác động ức chế trên tiểu cầu gián tiếp thông qua sự acetyl hóa không thuận nghịch cyclooxygenase của tiểu cầu dẫn đến phong tỏa sự tổng hợp thromboxane của tiểu cầu. Các tác động ức chế của acid acetylsalicylic trên sự sản xuất thromboxane tiểu cầu vẫn còn trong suốt thời gian tồn tại của tiểu cầu, khoảng 8 đến 9 ngày ở những người bình thường. Điều này dẫn đến sự acetyl hóa cyclooxygenase của tiểu cầu và qua đó sự ức chế tạo thành thromboxane được tích lũy dần ở những liều sử dụng tiếp theo.

Dược động học

Trong khi được hấp thu qua thành ruột, cũng như khi ở gan và máu, acid acetylsalicylic được thủy phân thành acid salicylic. Với liều 500 mg acid acetylsalicylic, thời gian bán thải là 20-30 phút, và 2,5 -3 giờ với acid salicylic. Khi dùng liều cao hơn, thời gian bán thải của acid salicylic dài hơn. Acid acetylsalicylic chủ yếu được thải trừ qua thận dưới dạng salicylate tự do hoặc liên hợp.

CHỈ ĐỊNH

Phòng ngừa tái phát cho những bệnh nhân có tiền sử nhồi máu cơ tim, tiền sử đột quy, cơn đau thắt ngực ổn định và không ổn định, cơn thiếu máu thoáng qua, bệnh lý mạch máu ngoại vi, các thủ thuật mạch máu như phẫu thuật nối mạch vành và phẫu thuật bắc cầu mạch vành.

Điều trị dự phòng chứng huyết khối cho những bệnh nhân nguy cơ cao xơ vữa động mạch như cholesterol LDL/máu cao, nam trên 40 hoặc phụ nữ sau mãn kinh, tăng huyết áp (sau khi kiểm soát được huyết áp), hút thuốc, đái tháo đường, tiền sử gia đình có bệnh mạch vành.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

1 - 2 viên, một lần mỗi ngày, nên uống sau khi ăn. Hoặc theo sự hướng dẫn của thầy thuốc.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Bệnh nhân mẫn cảm với acid acetylsalicylic hoặc một kháng viêm non-steroid khác.
- Bệnh nhân hen suyễn, viêm mũi và polyp mũi vì có thất phế quản và viêm mũi có thể trầm trọng hơn trong trường hợp bất dung nạp acid acetylsalicylic.
- Bệnh nhân có tiền sử bệnh loét tiêu hóa tiến triển vì acid acetylsalicylic có thể gây kích thích niêm mạc dạ dày và gây xuất huyết.
- Bệnh nhân suy tim vừa và nặng.
- Bệnh nhân suy thận và suy gan nặng, xơ gan.
- Người có bệnh ưa chảy máu và giảm tiểu cầu.

LƯU Ý

- Nghiện rượu: Bệnh nhân uống trên 3 ly rượu mỗi ngày nên hỏi ý kiến của bác sĩ khi uống acid acetylsalicylic vì chứng nghiện rượu có liên quan đến nguy cơ chảy máu.
- Acid acetylsalicylic có thể ức chế chức năng tiểu cầu và dẫn đến kéo dài thời gian chảy máu. Nên tránh uống acid acetylsalicylic ở những bệnh nhân rối loạn đông máu di truyền (hemophilia) hoặc mắc phải (bệnh lý ở gan hoặc thiếu vitamin K).

THẬN TRỌNG

- Khi điều trị cho người bị suy tim nhẹ, bệnh thận hoặc bệnh gan, đặc biệt khi dùng đồng thời với thuốc lợi tiểu, cần quan tâm xem xét cẩn thận nguy cơ giữ nước và nguy cơ giảm chức năng thận.
- Trẻ em: tránh sử dụng acid acetylsalicylic cho trẻ sốt do virus (bệnh cúm hoặc bệnh thủy đậu) vì nguy cơ bị hội chứng Reye, một bệnh lý hiếm gặp nhưng nghiêm trọng trên gan và hệ thần kinh có thể dẫn đến hôn mê và tử vong.
- Đối với phụ nữ mang thai: chỉ nên dùng acid acetylsalicylic nếu thật sự cần thiết vì có thể gây đóng sớm ống động mạch và gây trí hoãn chuyển dạ. Tránh sử dụng trong ba tháng cuối thai kỳ (vì có nguy cơ xuất huyết trong lúc sanh).
- Đối với phụ nữ đang cho con bú: không nên dùng acid acetylsalicylic vì salicylate được bài tiết qua sữa mẹ. Dùng liều cao có thể gây nổi ban, dị dạng tiểu cầu và chảy máu ở trẻ bú mẹ.
- Lái xe và vận hành máy móc: thuốc này thường không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

TÁC DỤNG PHỤ

Phản ứng phụ của acid acetylsalicylic thường liên quan đến hệ tiêu hóa như: buồn nôn, nôn, khó tiêu, khó chịu thượng vị, ợ nóng, đau dạ dày, loét tiêu hóa; nặng hơn có thể xuất huyết tiêu hóa.

Hệ thần kinh trung ương: mệt mỏi. Ít gặp: mất ngủ, bồn chồn, cầu gắt.

Da: ban, mày đay.

Huyết học: thiếu máu tan máu. Ít gặp: thời gian chảy máu kéo dài, giảm bạch cầu, giảm tiểu cầu.

Thần kinh- cơ và xương: yếu cơ.

Hô hấp: khó thở. Ít gặp: co thắt phế quản.

Gan, thận: ít gặp: độc hại gan và suy giảm chức năng thận.

Khác: sốc phản vệ.

Xin thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Khi uống một lượng lớn acid acetylsalicylic có thể dẫn đến thở sâu, nhanh, ù tai, điếc, giãn mạch, ra mồ hôi. Xử trí ngộ độc bao gồm súc rửa dạ dày và theo dõi pH huyết tương, nồng độ salicylate trong huyết tương và điện giải. Có thể phải kiểm hóa nước tiểu bắt buộc để tăng bài niệu nếu nồng độ salicylate trong huyết tương >500 mg/L ở người lớn hoặc >300 mg/L ở trẻ em.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Dùng cùng lúc acid acetylsalicylic có thể đưa đến tăng nồng độ của acetazolamide, giảm nồng độ phenytoin toàn phần và tăng nồng độ acid valproic trong huyết thanh. Acid acetylsalicylic có thể làm giảm tác dụng hạ huyết áp của thuốc ức chế beta và thuốc lợi tiểu, giảm tác dụng hạ huyết áp và hạ natri/máu của thuốc ức chế men chuyển. Salicylate có thể ức chế sự thanh thải tại thận của methotrexate dẫn đến độc tủy xương, đặc biệt ở người già hoặc bệnh nhân suy thận. Nên tránh sử dụng cùng lúc acid acetylsalicylic với các thuốc kháng viêm non-steroid khác và các liệu pháp kháng đông khác (heparin và warfarin) vì tăng nguy cơ chảy máu. Salicylate đối kháng tác dụng với các thuốc làm tăng bài tiết acid uric trong nước tiểu (probenecid và sulfapyrazone).

TRÌNH BÀY

Hộp 10 vỉ x 10 viên. Hộp 1 vỉ x 10 viên.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ

Sản xuất tại:
CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP
Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore II,
Phường Hoà Phú, Thành Phố Thủ Đức Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
ĐT: 08-38100800

®Đang kí nhận hiệu: United American Pharmaceuticals, Inc.